

A black and white portrait of Karl Heinrich Marx, showing him from the chest up. He has a very full, long white beard and mustache, and is wearing a dark suit jacket over a white shirt. The background is dark and out of focus.

Karl Heinrich Marx

(1818-1883)

Thân thế

Karl Heinrich Marx (Các Mác) sinh ngày 5 tháng 5 năm 1818 tại Trier (Đức), mất ngày 14 tháng 3 năm 1883 tại London (Anh).

Năm 1835, ở tuổi 17, Mác vào đại học Bonn để học luật. Năm sau, ông chuyển sang đại học Friedrich Wilhelms ở Berlin. Trong thời gian ở Berlin, ông tiếp thu triết học vô thần của nhóm Hegel cánh tả hay còn gọi là những người Hegel trẻ. Năm 1841, Mác bảo vệ thành công luận án tiến sĩ triết học ở tuổi 23 với đề tài: “*Sự khác biệt của triết học tự nhiên của Epicurus với triết học tự nhiên của Democritus*”.

Trong số các trường phái tư tưởng, không có nhà kinh tế hoặc triết gia nào có thể tạo ra nhiều niềm đam mê và cơn sốt kiểu tôn giáo như Mác. Trên tất cả, Mác không chỉ là một nhà kinh tế mà còn là một thần tượng có tính cách mạng và tầm nhìn xa. Khi đọc Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, được viết từ năm 1848, người ta không thể không cảm thấy sức đam mê mãnh liệt, phong cách sắc sảo và sự đơn giản đáng ngạc nhiên trong các từ ngữ của Mác và Ăngghen.

Sự nghiệp khoa học

Các Mác là một nhà khoa học đồng thời là một nhà hoạt động chính trị, một nhà cách mạng đấu tranh vì lợi ích của giai cấp vô sản. Chỉ có một số rất ít các nhà kinh tế học có khả năng thâm nhập một cách dữ dội đối với các ngành khoa học khác như Mác đã làm.

Ở đâu đó Mác là nhà triết học, nhà sử học, nhà khoa học chính trị, nhà xã hội học, nhà phê bình văn học. Ông rất sung mãn và đã viết không ngừng nghỉ về rất nhiều vấn đề. Thậm chí, đến bây giờ một bộ sưu tập đầy đủ các công trình của Mác và Ăngghen vẫn chưa được hoàn tất. Các bài bình luận về Mác và những chủ đề liên quan thực sự khổng lồ mà muốn công bố chắc chắn phải cần rất nhiều tuyển tập. Trên Internet, Amazon.com liệt kê hơn 4.000 mục truy cập về Mác và chủ nghĩa cộng sản, chỉ đứng thứ hai sau Chúa Giêsu và Thiên Chúa giáo.

Với tư cách là một nhà khoa học, ông nghiên cứu nhiều vấn đề thuộc các môn khoa học xã hội khác nhau. Tuy nhiên, Mác đã để lại dấu ấn đậm nét nhất trong lĩnh vực triết học và kinh tế chính trị.

Hai cống hiến khoa học lớn nhất của Mác, theo đánh giá của Ăngghen, là (i) Quan điểm duy vật về sự phát triển của lịch sử loài người (với quan điểm này, một bộ môn mới của triết học đã ra đời, đó là “Duy vật lịch sử”); và (ii) Phát hiện ra quy luật giá trị thặng dư là quy luật tuyệt đối của CNTB. Với hai phát hiện khoa học đó, Mác đã đưa lý luận về CNXH từ không tưởng đến khoa học và vì vậy, nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác là “CNXH khoa học”. Chính Mác cũng đã nói rằng ông thích dùng khái niệm “CNXH” cho học thuyết của ông hơn.

Mác là nhà triết học hay nhà kinh tế chính trị học?

Mác vừa là nhà triết học, vừa là nhà kinh tế chính trị học. Sự vĩ đại của ông được thể hiện ở cả hai lĩnh vực. Nếu có một cuộc bình chọn trên quy mô toàn cầu để tìm ra một nhà kinh tế chính trị vĩ đại nhất của mọi thời đại, thì chắc rằng Mác sẽ là một trong những người đứng đầu danh sách đó. Bởi vì, những công trình khoa học đồ sộ về kinh tế chính trị mà Mác để lại cho nhân loại không những rộng lớn về quy mô mà còn phong phú về nội dung.

Những vấn đề triết học và kinh tế chính trị quyện vào nhau trong các nghiên cứu của Mác. Những năm đầu, Mác chủ yếu nghiên cứu về triết học và phương pháp luận. Sau đó, chuyển sang nghiên cứu kinh tế chính trị. Công trình khoa học lớn nhất về kinh tế chính trị của Mác là bộ *Tư bản* (Das Kapital) - tác phẩm nổi tiếng luận về kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản.

Năm 1846, đáp lại tác phẩm *Hệ thống các mâu thuẫn kinh tế hay là triết học của sự khốn cùng* trình bày những vấn đề kinh tế theo quan điểm của giai

cấp tiểu tư sản của Proudhon, Mác đã cho xuất bản tác phẩm *Sự khốn cùng của triết học* để phê phán những quan điểm tiểu tư sản của Proudhon, đồng thời, qua đó nêu những nguyên tắc, phương pháp luận và các nội dung chủ yếu của kinh tế chính trị trên quan điểm của giai cấp vô sản. Trong tác phẩm *Sự khốn cùng của triết học* Mác đã đề cập đến một số phạm trù của kinh tế chính trị như giá trị, hàng hóa, sức lao động, địa tô tư bản chủ nghĩa...

Đầu năm 1849, Mác cho xuất bản tác phẩm *Lao động làm thuê và tư bản*. Trong tác phẩm này, Mác khẳng định: *Quan hệ giữa tư bản và lao động làm thuê là quan hệ cơ bản của xã hội tư sản. Lợi ích của lao động làm thuê và tư bản đối lập nhau*. Trong tác phẩm này, Mác còn đưa ra những tư tưởng về quy luật chung của tích lũy tư bản, quy luật nhân khẩu, cơ cấu của tư bản sản xuất, tiền lương và đời sống của người lao động.

Năm 1848, Mác và Ăngghen cho xuất bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Tác phẩm này có giá trị như một bản tổng kết quá trình nghiên cứu của Mác và Ăngghen trong những năm 40 của thế kỷ XIX. Trong đó, hai ông đã nghiên cứu một cách hệ thống quá trình phát sinh, phát triển của CNTB, đã chỉ ra rằng, sự phát triển của CNTB đã vấp phải rào cản - đó là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thể hiện ở tính chất xã hội hóa cao độ của nền sản xuất xã hội mâu thuẫn với hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Chính mâu thuẫn này sẽ đưa CNTB đến chỗ diệt vong.

Tư bản: Tiếng sét nổ giữa bầu trời quang của chủ nghĩa tư bản

Trong nửa đầu của thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã thể hiện rõ những mặt hạn chế của nó. Năm 1825, cuộc khủng hoảng kinh tế sản xuất thừa của chủ nghĩa tư bản lần đầu tiên trên thế giới đã nổ ra ở nước Anh. Tiếp theo đó, các cuộc khủng hoảng kinh tế liên tiếp nổ ra vào các năm 1836, 1847, 1857 đã thể hiện rõ rệt tính chất chu kỳ của kinh tế. Chính cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1857 đã thúc đẩy công cuộc nghiên cứu khoa học của Mác. Kết quả là ông đã viết *Bản thảo kinh tế* năm 1857 gồm phần mở đầu và hai chương. Tuy không được xuất bản, song có thể coi đó là bản phác họa đầu tiên của bộ *Tư bản*.

Trong phần mở đầu cuốn *Bản thảo kinh tế*, Mác đề cập tới đối tượng và phương pháp của môn kinh tế chính trị. Theo ông, kinh tế chính trị là một môn khoa học nghiên cứu quan hệ sản xuất xã hội của con người, tức là, nghiên cứu mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất. Muốn hiểu được quan hệ sản xuất của con người thì phải nghiên cứu những khái niệm và phạm trù kinh tế tương ứng thể hiện mối quan hệ đó để phát hiện ra các quy luật kinh tế khách quan chi phối mọi hành vi và hoạt động của con người. Cũng trong phần mở đầu này, Mác đã trình bày những phương pháp đặc thù của việc nghiên cứu kinh tế chính trị, đó là phương pháp trừ tượng hóa khoa học, phân tích và tổng hợp, kết hợp lôgic và lịch sử.

Năm 1859, Mác cho xuất bản tác phẩm *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị*.

Tháng 7 năm 1863, ông đã hoàn thành bản thảo lớn *Phê phán khoa kinh tế chính trị* được viết ở 23 quyển vở tổng cộng 1.472 trang.

Năm 1863-1864, Mác thay đổi cơ cấu các tác phẩm trên và dự kiến viết bộ *Tư bản* thành 4 quyển: Quyển I - Quá trình sản xuất của tư bản; Quyển II - Quá trình lưu thông của tư bản; Quyển III - Toàn bộ quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa; Quyển IV - Các học thuyết về giá trị thặng dư.

Năm 1865, quyển I bộ *Tư bản* được xuất bản bằng tiếng Đức với số lượng ban đầu chỉ có 1000 bản, nhưng do nội dung hấp dẫn và có sức thuyết phục cao nên đã nhanh chóng được tái bản với số lượng rất lớn. Trong thời gian Mác còn sống, tác phẩm này đã được tái bản tới 137 lần, bằng 14 thứ tiếng với khoảng 5 - 6 triệu cuốn.

Quyển I bộ *Tư bản* được đánh giá là “Tiếng sét nổ giữa bầu trời quang của chủ nghĩa tư bản”. Đúng là một “tiếng sét”, bởi vì Mác là người đầu tiên nhân danh khoa học và công lý tuyên bố bản án tử hình của chủ nghĩa tư bản với tư cách là một phương thức sản xuất xã hội. Sau khi vạch rõ mâu thuẫn cơ bản của CNTB là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa cao độ của nền sản xuất xã hội với hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, Mác tuyên bố “*giờ chết của CNTB đã điểm, đến lúc những kẻ đi tước đoạt sẽ bị tước đoạt*”.

Mác bắt đầu nghiên cứu từ điểm xuất phát của CNTB là *sản xuất hàng hóa giản đơn và phạm trù hàng hóa* được coi là tế bào kinh tế của xã hội tư sản. Trong quyển I bộ *Tư bản*, Mác đã trình bày ba học thuyết kinh tế quan trọng nhất là: *học thuyết giá trị lao động, học thuyết giá trị thặng dư, và học thuyết tích lũy tư bản*.

V. I. Lênin đã đánh giá rằng học thuyết giá trị thặng dư là “*viên đá tảng*” của toàn bộ học thuyết kinh tế của Mác. Học thuyết giá trị thặng dư đã vạch trần toàn bộ bí mật của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là bóc lột những người lao động làm thuê và chính học thuyết này đã trở thành một trong hai căn cứ để biến CNXH không tưởng thành CNXH khoa học. Đó cũng chính là công lao to lớn nhất của Mác trong lĩnh vực kinh tế chính trị.

Xác định đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị: Một trong những đóng góp lớn của Mác

Các nhà kinh tế học trước Mác cho rằng kinh tế chính trị nghiên cứu các phương thức làm tăng của cải, làm tăng lợi nhuận hoặc là các phương thức phân phối hợp lý của cải đã được tạo ra. Tuy nhiên, Mác lại có quan điểm khác hẳn. Ông cho rằng đối tượng của kinh tế chính trị là nghiên cứu *quan hệ sản xuất*, tức là những mối quan hệ kinh tế giữa người với người trong quá trình sản xuất, phân

phối, trao đổi và tiêu dùng. Từ đó tìm ra những quy luật vận động, phát triển của quan hệ sản xuất, tức là tìm ra những quy luật kinh tế chi phối mọi quan hệ kinh tế giữa con người với con người. Mác là người đầu tiên phân tích toàn bộ hệ thống các quy luật kinh tế của CNTB, từ đó phân loại các quy luật kinh tế, vạch ra các quy luật chung, quy luật đặc thù và đặc biệt chỉ ra quy luật tuyệt đối của CNTB là quy luật giá trị thặng dư.

Để đạt được kết quả đó, Mác đã áp dụng phương pháp nghiên cứu mới cho môn kinh tế chính trị, đó là một hệ thống các phương pháp dựa trên cơ sở duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Những phương pháp mà Mác đã vận dụng một cách tổng hợp trong bộ *Tư bản* là phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể, phương pháp trừu tượng hóa khoa học, phương pháp kết hợp lôgic với lịch sử, phương pháp phân tích và tổng hợp...

Mác đã vận dụng quan điểm lịch sử (tức là duy vật lịch sử) vào việc phân tích các phạm trù, các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản, theo dõi sự phát triển của chúng trong từng giai đoạn, thấy rõ sự chuyển hóa của chúng và do đó, đã tìm ra bản chất của chúng.

Trước kia, các nhà kinh tế học coi các phạm trù kinh tế tồn tại song song bên nhau, không có sự phát triển và chuyển hóa từ phạm trù kinh tế này sang phạm trù kinh tế khác, họ coi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản cũng giống như các quy luật tự nhiên. Vì vậy, họ coi chủ nghĩa tư bản là một chế độ xã hội tồn tại vĩnh viễn. Ngược lại, dựa trên cơ sở phương pháp luận mới, khoa học, Mác đã chỉ ra các phạm trù kinh tế không phải lúc nào cũng tồn tại song song với nhau mà chúng phát triển và chuyển hóa từ hình thái này sang hình thái khác. Từ đó, ông đã chứng minh rằng chủ nghĩa tư bản không phải tồn tại vĩnh viễn, không phải là phương thức sản xuất cuối cùng của xã hội loài người.

Học thuyết giá trị lao động

Các nhà kinh tế học trước Mác, nhất là các nhà kinh tế thuộc trường phái cổ điển Anh, tiêu biểu là William Petty, Adam Smith, David Ricardo đã có những đóng góp to lớn trong việc xây dựng học thuyết giá trị lao động, song họ chỉ mới dừng lại ở kết luận quan trọng là *lao động tạo ra giá trị của hàng hóa*. Theo họ, lao động là phạm trù vĩnh viễn và các phạm trù có liên quan như hàng hóa, tiền tệ, tư bản, lợi nhuận... cũng được họ coi là các phạm trù vĩnh viễn. Họ đã không phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất ra hàng hóa.

Mác là người đầu tiên đưa ra lý luận về tính chất hai mặt của lao động sản xuất ra hàng hóa. Theo Mác, lao động, một mặt là *lao động trừu tượng*, mặt khác, lao động lại là *lao động cụ thể*. Lao động trừu tượng là sự hao phí sức lao động nói chung của con người bất kể dưới hình thức cụ thể nào. Lao động cụ thể là lao động được thể hiện dưới một hình thức cụ thể như lao động của người

thợ rèn, lao động của người thợ dệt. Đây chính là chìa khóa để giải quyết một loạt vấn đề quan trọng tiếp theo trong kinh tế chính trị như chất và lượng của giá trị của hàng hóa, nguồn gốc của giá trị và giá trị sử dụng, tư bản bất biến và tư bản khả biến...

Học thuyết giá trị thặng dư

Học thuyết giá trị thặng dư là đóng góp to lớn nhất của Mác trong kinh tế chính trị.

Trước Mác, nhà kinh tế học Thomson đã đề cập đến giá trị thặng dư, song ông lại cho rằng phạm trù giá trị thặng dư tồn tại thì sẽ vi phạm quy luật giá trị. Vì vậy, cuối cùng ông chỉ thừa nhận quy luật giá trị và phủ định phạm trù giá trị thặng dư.

Mác đã hoàn chỉnh học thuyết về giá trị thặng dư và khẳng định rằng phạm trù giá trị thặng dư tồn tại phát triển hoàn toàn tuân theo quy luật giá trị. Giá trị thặng dư là một bộ phận của giá trị hàng hóa, vì vậy chỉ có thể phát hiện và phân tích phạm trù giá trị thặng dư trên cơ sở hoàn thiện học thuyết về giá trị hàng hóa. Mác đã thành công vì làm theo trình tự đó.

Để xây dựng học thuyết giá trị thặng dư, Mác đã phân tích phạm trù hàng hóa - sức lao động. Nhờ có sự phân biệt rõ ràng hai phạm trù sức lao động và lao động, phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất ra hàng hóa, phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến, Mác đã xây dựng nên học thuyết giá trị thặng dư.

Mác đã chỉ rõ giá trị của hàng hóa gồm ba bộ phận (C+V+M). C là tư bản bất biến, nó thể hiện giá trị của tư liệu sản xuất và chỉ chuyển giá trị của nó vào sản phẩm chứ không hề tăng lên sau mỗi quá trình sản xuất. V là tư bản khả biến dùng để mua hàng hóa - sức lao động của công nhân. Đặc điểm của hàng hóa - sức lao động là khi nhà tư bản sử dụng nó thì nó không bị mất đi, mà lại tạo ra một giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó. Giá trị mới bao gồm giá trị của sức lao động cộng với giá trị thặng dư. Giá trị thặng dư được ký hiệu là M. Vậy giá trị mới bằng (V+M).

Học thuyết về giá trị thặng dư của Mác còn bao gồm cả quá trình phân tích sự phân phối giá trị thặng dư trong CNTB. Mác đã phân tích và chỉ rõ lợi nhuận là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư. Giá trị thặng dư được chuyển hóa thành lợi nhuận công nghiệp, thương nghiệp, lợi nhuận nhà tư bản kinh doanh trong nông nghiệp, lợi tức và địa tô. Hay nói cách khác, giá trị thặng dư là nguồn gốc lợi nhuận của tất cả các nhà tư bản kinh doanh. Từ sự phân tích khoa học và đầy thuyết phục đó, Mác đã đối đầu với các khái niệm tiền lương là giá cả của lao động, tư bản sinh ra lợi nhuận, tiền tệ sinh ra lợi tức, ruộng đất sinh ra địa tô.

Học thuyết về tiền tệ

Mác là người đầu tiên vạch rõ nguồn gốc và bản chất của tiền tệ. Trên cơ sở hoàn thiện học thuyết về hàng hóa, Mác khẳng định “tiền tệ chỉ là một hàng hóa đặc biệt đứng ra làm vật ngang giá chung để đo giá trị của tất cả các hàng hóa khác”.

Trong chương III của bộ *Tư bản*, ông bắt đầu với một cuộc tranh luận về trao đổi hàng hóa và khái quát công thức trao đổi hàng hóa: $H - H'$. Khi tiền xuất hiện, mối quan hệ này thay đổi và trở thành: $H - T - H'$.

Ở đây, tiền bạc đại diện là trung gian trao đổi của hai hàng hóa, được trao đổi nhiều lần trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đến lúc này, Mác đã phát hiện và đi sâu hơn vào mục đích kiếm lợi nhuận của các nhà tư bản khi ông biểu đạt một cách thức kinh doanh mới như sau: $T - H - T'$. Doanh nhân sử dụng tiền của mình (T) để sản xuất một mặt hàng (H) và bán mặt hàng đó để thu lại nhiều tiền hơn (T').

Các doanh nhân/nhà tư bản chỉ tập trung vào mục đích “kiếm tiền” và họ trở thành tư bản tài chính với quan hệ trao đổi $T - T'$. Mác cảnh báo rằng khi tư bản tài chính phát triển mạnh và nắm quyền, xã hội và cả chủ nghĩa tư bản sẽ lâm nguy, rơi vào khủng hoảng. Những nhà tư bản tài chính chỉ tập trung “làm tiền” mà quên đi bản chất sâu xa của sự phát triển xã hội là dựa trên gốc rễ sản xuất hàng hóa.

Thật ngạc nhiên, hàng loạt các cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới đã xảy ra đều xuất phát từ sự đổ vỡ của các thị trường tài chính, thị trường chứng khoán hay các bong bóng bất động sản nhưng cảnh báo của Mác dường như chưa đủ mạnh bởi nó chủ yếu chỉ ảnh hưởng đối với các nước đang phát triển. Chỉ đến khi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 bùng phát, nhiều người đã nhận ra rằng họ đã quá xem thường những nhận định của Mác và lại đổ xô đi mua cuốn *Tư bản* của ông mà tưởng chừng không bao giờ ngó tới nữa kể từ khi hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ.

Học thuyết về lợi nhuận bình quân

Mác cũng là người đầu tiên đưa ra lý luận về lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất nhằm giải thích mâu thuẫn của sản xuất tư bản chủ nghĩa. Tư bản bằng nhau, cấu tạo hữu cơ của tư bản, tức C/V khác nhau, tốc độ chu chuyển khác nhau nhưng lợi nhuận thu được lại bằng nhau.

Với lý luận này Mác đã chỉ rõ giai cấp tư sản bóc lột giai cấp công nhân và từ lý luận kinh tế đó, Mác rút ra kết luận chính trị là giai cấp công nhân phải đoàn kết đấu tranh chống lại giai cấp tư bản. Khẩu hiệu chính trị bất hủ của Mác “*Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại*” xuất phát từ những kết quả nghiên cứu lý luận kinh tế.

Xây dựng học thuyết giá trị và giá trị thặng dư, Mác đã vũ trang cho giai cấp vô sản toàn thế giới một thứ vũ khí lý luận vô cùng sắc bén trong cuộc đấu tranh giai cấp nhằm lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng một chế độ xã hội tự do và công bằng hơn - đó là CNCS mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội.

Kết luận

Như Skousen (2007) nhận xét rằng, có lẽ trong số các trường phái tư tưởng, không có một nhà kinh tế hoặc triết gia nào có thể tạo ra nhiều niềm đam mê và sự hưng phấn cực độ như Các Mác. Ông không chỉ là một nhà kinh tế mà còn là một thần tượng có tính cách mạng và tầm nhìn xa. Nhờ biết tiếp thu những chỉ trích của Mác cùng với tác động của những cuộc cách mạng và đình công của giai cấp công nhân, nông dân thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã có những bước đi, bước chuyển mình rất xa so với hình thái ban đầu của nó.

Mặc dù mô hình thực hiện ý tưởng của Mác về một xã hội cộng sản đã bị thất bại ở Đông Âu và một số quốc gia, nhưng nó tiếp tục được thử nghiệm không chỉ ở những quốc gia có Đảng Cộng sản cầm quyền. Những cảnh báo của Mác về các khuyết tật mang tính cố hữu hay sự tất yếu sụp đổ của chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp tục vang lên và được minh chứng bởi những ví dụ rõ ràng, và ít nhất điều đó càng thúc đẩy xu thế vận động của mô hình phát triển đa dạng, nhiều màu sắc hơn trong một thế giới toàn cầu hóa.

Chỉ dẫn khoa học

Giá trị lao động. Giá trị thặng dư. Lao động cụ thể. Lao động trừu tượng. Lợi nhuận bình quân. Quy luật giá trị thặng dư. Sản xuất hàng hóa giản đơn. Sức lao động. Tích lũy tư bản. Tính chất hai mặt của lao động. Tư bản bất biến. Tư bản khả biến.

Những công trình tiêu biểu của Các Mác

Economic and Philosophical Manuscripts of 1844.
The German Ideology, 1845.
The Poverty of Philosophy, 1847.
Manifesto of the Communist Party, 1848 (with *F. Engels*).
The Eighteenth Brumaire of Louis Napoleon, 1852.
A Contribution to the Critique of Political Economy, 1859.
Theories of Surplus Value, 1862, 3 volumes.
Capital (Das Kapital), 1867, Volume I.
The Civil War in France, 1871.
Critique of the Gotha Program, 1875.
Capital, 1885, Volume II.
Capital, 1894, Volume III.